TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2020/QĐST-HNGĐ	*Chương Mỹ, ngày 25 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 1 Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Phạm Văn B –** sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện C, thành phố Hà Nội.

- **Chị Nguyễn Thị Tuyết** – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01 ngày 26/12/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau.Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không có sự quan tâm, chia sẻ và không duy trì quan hệ vợ chồng với nhau dẫn đến

cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh B, chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh B, chị T xác nhận có một con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 26/7/2013. Sau khi ly hôn, anh B và chị T thỏa thuận: Chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc A kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thỏa thuận khác, Quyết định khác của Tòa án.

Anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng), kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về lệ phí: Anh B tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2020 không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 26/7/2013 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thỏa thuận khác, Quyết định khác của Tòa án.

Anh Phạm Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng), kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B, chị T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn B tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0004643 ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Anh B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Người yêu cầu;
- UBND xã T (Số 105/2011);
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thắng